TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 22/2019/QĐST- HNGĐ	*T, ngày 01 tháng 02 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 26/2018/TLST – HNGĐ ngày 19/12/2018, giữa:

Nguyên đơn: Chị **Hà Thị Hồng N**, sinh năm 1996.

Trú tại: xóm L, xã X, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Anh **Trần Thanh P**, sinh năm 1996.

Trú tại: xóm L, xã X, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Căn cứ vào điều 212 và điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25/01/2019.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25/01/2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. **Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:** Chị Hà Thị Hồng N và anh Trần Thanh P.

2. **Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

- Về con chung: Cả hai đều xác nhận vợ chồng có một con chung; cháu Trần Huy Cầm - sinh ngày 20/01/2015. Sau khi ly hôn chị N và anh P thỏa thuận chị N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Cầm, anh P không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N cho cháu Cầm. Vì chị N tự nguyện không yêu cầu. Anh P có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, riêng, công nợ: Cả hai đều xác định vợ chồng có một số tài sản và công nợ nhưng tự giải quyết nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công sức: Cả hai đều xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí**: Chị Hà Thị Hồng N và anh Trần Thanh P được miễn toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 điều 12 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội; Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

3. **Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.**

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh ;
-VKSND tỉnh, huyện;
-THA dân sự;
- UBND xã X;
-Các đương sự;
-Lưu: HS+ VP.

Thẩm phán

(đã ký)

Nguyễn Hà Giang